**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

**BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ DỊCH VỤ TIỀN DI ĐỘNG**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **QUYẾT ĐỊNH SỐ 316[[1]](#footnote-1)** | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ DỊCH VỤ TIỀN DI ĐỘNG** | **Lý do** |
| **1** |  | Căn cứ |  |
|  | Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền ngày 18 tháng 6 năm 2012;  Căn cứ Nghị định số 138/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2016 ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ về cách thức giải quyết công việc của Thủ tướng Chính phủ;  Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 21 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;  Căn cứ Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Tài chính Toàn diện Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;  Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020;  Căn cứ Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19; | Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;  Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;  Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;  Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;  Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền ngày 15 tháng 11 năm 2022;  Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; | Cập nhật căn cứ phù hợp |
| **2** |  | Điều 1. Phạm vi điều chỉnh |  |
|  | Dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile-Money) | Nghị định này quy định về việc doanh nghiệp viễn thông cung ứng cho khách hàng một tài khoản chuyên biệt gắn với số thuê bao di động để nạp tiền vào, rút tiền ra khỏi tài khoản này và thực hiện giao dịch thanh toán (sau đây gọi là dịch vụ Tiền di động). | Để đảm bảo tính thống nhất, phù hợp với ngôn ngữ thuần việt, NHNN đề xuất chỉnh sửa lại tên dự thảo Nghị định thành: “Nghị định quy định về dịch vụ Tiền di động”, dịch vụ Mobile-Money (tên gọi dịch vụ trong giai đoạn thí điểm) là dịch vụ Tiền di động.  Quy định cụ thể hơn về định nghĩa dịch vụ. |
| **3** |  | Điều 2. Đối tượng áp dụng |  |
|  | Đối tượng thực hiện thí điểm:  Doanh nghiệp có Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán Ví điện tử và Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần số vô tuyến điện hoặc là công ty con được Công ty mẹ có Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần số vô tuyến điện cho phép sử dụng hạ tầng, mạng lưới, dữ liệu viễn thông (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp thực hiện thí điểm). | 1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động.  2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động.  3. Cá nhân sử dụng dịch vụ Tiền di động (sau đây gọi là khách hàng). | Quy định cụ thể hơn đối tượng áp dụng tại dự thảo Nghị định, đảm bảo đầy đủ các đối tượng được điều chỉnh (không chỉ bao gồm các tổ chức cung ứng dịch vụ). |
| **4** |  | Điều 3. Giải thích từ ngữ |  |
|  | Quy định một số thuật ngữ, như:  - Đơn vị chấp nhận thanh toán (các cửa hàng, đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ chấp nhận sử dụng tài khoản Mobile-Money để thanh toán) kinh doanh các ngành nghề, hàng hóa, dịch vụ hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam.  - Các điểm kinh doanh là các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông có địa chỉ xác định do Doanh nghiệp viễn thông thực hiện thí điểm thiết lập hoặc các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông khác là pháp nhân được Doanh nghiệp viễn thông thực hiện thí điểm ký hợp đồng ủy quyền. | Trong Nghị định, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động là tổ chức không phải là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động.  2. Dịch vụ Tiền di động là dịch vụ do tổ chức cung ứng dịch vụ Mobile Money cung ứng cho khách hàng một tài khoản chuyên biệt gắn với số thuê bao di động để nạp tiền vào, rút tiền ra khỏi tài khoản này và thực hiện giao dịch thanh toán. Việc cung ứng dịch vụ Tiền di động thông qua tài khoản Tiền di động.  3. Tài khoản Tiền di động là một tài khoản chuyên biệt gắn với số thuê bao di động do doanh nghiệp viễn thông cung ứng cho khách hàng để sử dụng dịch vụ Tiền di động.  4. Đơn vị chấp nhận thanh toán (viết tắt là ĐVCNTT) quy định tại Nghị định này là tổ chức, cá nhân cung cấp hàng hóa, dịch vụ chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ thông qua dịch vụ Tiền di động theo hợp đồng hoặc thỏa thuận bằng văn bản ký kết với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động hoặc thông qua các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  5. Điểm kinh doanh là điểm cung ứng dịch vụ do chính tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động trực tiếp sở hữu, thiết lập (có địa chỉ xác định hoặc lưu động) hoặc điểm cung ứng dịch vụ có địa chỉ xác định do doanh nghiệp khác thiết lập, được tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động ký hợp đồng ủy quyền.  6. Ngân hàng hợp tác là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có ký hợp đồng hoặc thỏa thuận với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động về việc hợp tác cung ứng dịch vụ.  7. Tài khoản đảm bảo thanh toán là tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động mở tại ngân hàng hợp tác để đảm bảo cho việc cung ứng dịch vụ Tiền di động.  8. Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động là Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp cho tổ chức không phải là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Văn bản của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi, bổ sung Giấy phép là một bộ phận không tách rời của Giấy phép. | Quy định cụ thể các từ ngữ được sử dụng nhằm đảm bảo cách hiểu thống nhất trong toàn dự thảo Nghị định.  Điều chỉnh một số định nghĩa để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình cung ứng dịch vụ của tổ chức. |
| **5** |  | Điều 4. Phạm vi cung ứng dịch vụ |  |
|  | 1. Phạm vi địa lý:  Việc triển khai thí điểm áp dụng trên phạm vi toàn quốc, trong đó Doanh nghiệp thực hiện thí điểm phải ưu tiên triển khai thí điểm dịch vụ Mobile- Money tại các địa bàn thuộc khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo của Việt Nam.  2. Phạm vi hàng hóa, dịch vụ:  Doanh nghiệp thực hiện thí điểm chỉ được phép cung ứng dịch vụ Mobile-Money để chuyển tiền, thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành phục vụ cho nhu cầu cuộc sống người dân; việc triển khai thí điểm dịch vụ Mobile-Money chỉ áp dụng đối với giao dịch nội địa hợp pháp theo quy định pháp luật Việt Nam bằng đồng Việt Nam, không được thực hiện thanh toán/chuyển tiền cho các hàng hóa, dịch vụ cung cấp xuyên biên giới. | 1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động chỉ được phép cung ứng dịch vụ Tiền di động để nạp tiền vào tài khoản Tiền di động, rút tiền ra khỏi tài khoản Tiền di động và thực hiện giao dịch thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm cả trường hợp thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài.2. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động được cung ứng dịch vụ Tiền di động cho khách hàng để thực hiện giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài; việc thực hiện thanh toán, quyết toán các giao dịch thanh toán cho hàng hoá, dịch vụ nước ngoài phải được thực hiện thông qua ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoạt động ngoại hối trên thị trường quốc tế.3. Nguyên tắc lựa chọn điểm kinh doanha) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải xây dựng các tiêu chí cụ thể đánh giá năng lực (tài chính, cơ sở vật chất, nhân sự) của các điểm kinh doanh, làm cơ sở cho việc xác định hạn mức giao dịch ngày, hạn mức giao dịch tháng của từng điểm kinh doanh. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải có hợp đồng ủy quyền với các điểm kinh doanh; có cơ chế kiểm soát và chịu trách nhiệm toàn diện đối với mọi hoạt động và rủi ro phát sinh tại các điểm kinh doanh.b) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động được phép lựa chọn điểm kinh doanh trên phạm vi toàn quốc. Số lượng điểm kinh doanh ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo phải đảm bảo chiếm trên 70% so với tổng số lượng điểm kinh doanh của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động. | 1. Kế thừa quy định tại Quyết định 316, và bổ sung thêm nội dung *thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài* trên cơ sở đề xuất của Bộ KHCN, Bộ CA và các doanh nghiệp thí điểm.  2. Bổ sung để đảm bảo phù hợp với việc bổ sung nội dung “*thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài*”  3.  a) Kế thừa quy định tại Quyết định 316  b) Kế thừa một phần quy định tại Quyết định 316 và quy định cụ thể về tỷ lệ Điểm kinh doanh tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo để đảm bảo mục tiêu phổ cập tài chính toàn diện đến khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo |
| **6** |  | Điều 5. Đồng tiền sử dụng trong giao dịch |  |
|  | Doanh nghiệp thực hiện thí điểm chỉ được phép cung ứng dịch vụ Mobile-Money để chuyển tiền, thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành phục vụ cho nhu cầu cuộc sống người dân; việc triển khai thí điểm dịch vụ Mobile-Money chỉ áp dụng đối với giao dịch nội địa hợp pháp theo quy định pháp luật Việt Nam bằng đồng Việt Nam | 1. Các giao dịch thực hiện qua tài khoản Tiền di động trên lãnh thổ Việt Nam phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam.  2. Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cung ứng dịch vụ cho khách hàng để thực hiện giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài, đồng tiền khách hàng sử dụng để thanh toán bằng dịch vụ Tiền di động là đồng Việt Nam.  3. Việc quy đổi từ ngoại tệ ra đồng Việt Nam (hoặc từ đồng Việt Nam ra ngoại tệ), tỷ giá giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ theo tỷ giá do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật. | 1. Kế thừa một phần quy định tại Quyết định 316 đối với giao dịch trên lãnh thổ Việt Nam, và bổ sung quy định về việc sử dụng ngoại tệ đối với giao dịch thanh toán nước ngoài. |
| **7** |  | Điều 6. Các hành vi bị cấm |  |
|  | **IV. CÁC HÀNH VI BỊ CẤM**  1. Cung ứng hoặc sử dụng các kênh, hình thức khác (ngoài các kênh, hình thức nạp tiền, rút tiền đã được quy định tại mục III Quyết định này) để nạp tiền vào/rút tiền ra từ tài khoản Mobile-Money.  2. Cung ứng hoặc sử dụng tài khoản Mobile-Money cho các nghiệp vụ khác ngoài việc nạp tiền, rút tiền, thanh toán, chuyển tiền đã được quy định tại mục III Quyết định này.  3. Doanh nghiệp thực hiện thí điểm cấp tín dụng cho khách hàng sử dụng dịch vụ Mobile-Money, trả lãi trên số dư tài khoản Mobile-Money hoặc bất kỳ hành động nào có thể làm tăng giá trị tiền tệ trên tài khoản Mobile-Money so với giá trị tiền khách hàng đã nạp vào tài khoản Mobile-Money.  4. Doanh nghiệp thực hiện thí điểm thực hiện hoạt động ngân hàng (cho vay, huy động vốn).  5. Cung ứng hoặc sử dụng tài khoản Mobile-Money để thực hiện các giao dịch cho mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận và các hành vi vi phạm pháp luật khác.  6. Thuê, cho thuê, mượn, cho mượn, trao đổi, tặng, cho hoặc mua, bán tài khoản Mobile-Money, thông tin tài khoản Mobile-Money.  7. Doanh nghiệp thực hiện thí điểm sử dụng nguồn tiền từ tài khoản Mobile-Money của khách hàng cho các mục đích khác của Doanh nghiệp thực hiện thí điểm. | 1. Cung ứng hoặc sử dụng tài khoản Tiền di động để thực hiện các nghiệp vụ khác ngoài các nghiệp vụ đã được quy định tại Điều 9 Nghị định này.2. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cấp tín dụng cho khách hàng trên tài khoản Tiền di động, trả lãi trên số dư tài khoản Tiền di động hoặc bất kỳ hành động nào có thể làm tăng giá trị tiền tệ trên tài khoản Tiền di động so với giá trị tiền được nạp vào tài khoản Tiền di động của khách hàng.3. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động thực hiện hoạt động ngân hàng (cho vay, huy động vốn).4. Cung ứng hoặc sử dụng tài khoản Tiền di động để thực hiện các giao dịch cho mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận và các hành vi vi phạm pháp luật khác. 5. Thuê, cho thuê, mượn, cho mượn, trao đổi, tặng, cho hoặc mua, bán tài khoản Tiền di động, thông tin tài khoản Tiền di động.  6. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động sử dụng nguồn tiền từ tài khoản Tiền di động của khách hàng cho các mục đích khác của tổ chức cung ứng dịch vụ.  7. Thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện thực hiện các hành vi: sử dụng, lợi dụng tài khoản Tiền di động để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gian lận, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật và thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác.  8. Ủy thác, giao đại lý cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện hoạt động được phép theo Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động.  9. Gian lận, giả mạo các giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để được cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.  10. Hoạt động không đúng nội dung quy định trong Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động. | Kế thừa quy định tại Quyết định 316 và bổ sung một số nội dung đảm bảo đầy đủ đảm bảo an toàn trong cung ứng dịch vụ Tiền di động |
| **8** |  | Điều 7. Đối tượng khách hàng sử dụng tài khoản Tiền di động |  |
|  | Đối tượng khách hàng:  Khách hàng cá nhân đăng ký và sử dụng dịch vụ Mobile-Money phải cung cấp Chứng minh nhân dân (CMND)/Căn cước công dân (CCCD)/Hộ chiếu trùng với thông tin đăng ký số thuê bao di động của khách hàng và được Doanh nghiệp thực hiện thí điểm định danh, xác thực theo các quy định của Chính phủ về đăng ký thuê bao di động; và số thuê bao di động phải có thời gian kích hoạt và sử dụng liên tục trong ít nhất 3 tháng liền kề tính đến thời điểm đăng ký mở và sử dụng dịch vụ Mobile-Money. Mỗi khách hàng chỉ được mở 01 tài khoản Mobile-Money tại mỗi Doanh nghiệp thực hiện thí điểm. | Khách hàng sử dụng dịch vụ Tiền di động là cá nhân sử dụng số thuê bao di động mặt đất đã đăng ký thông tin thuê bao di động mặt đất với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động. | Kế thừa quy định tại Quyết định 316. Tuy nhiên, quy định mới không còn hạn chế khách hàng (số thuê bao di động phải có thời gian kích hoạt và sử dụng liên tục trong ít nhất 3 tháng liền kề tính đến thời điểm đăng ký mở và sử dụng dịch vụ) nhằm mở rộng, tăng tập khách hàng cho các tổ chức cung ứng dịch vụ, thay vào đó các quy định về xác thực, định danh khách hàng được chặt chẽ hơn. |
| **9** |  | Điều 8. Việc mở tài khoản Tiền di động |  |
|  | (i) Doanh nghiệp thực hiện thí điểm chịu trách nhiệm KYC chính xác khách hàng sử dụng dịch vụ Mobile-Money: Xây dựng công cụ để quản lý rủi ro và quy trình KYC đảm bảo chi các khách hàng đủ điều kiện quy định tại khoản 2 mục II Quyết định này được đăng ký và sử dụng dịch vụ Mobile- Money; quyết định việc gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp khách hàng khi khách hàng lần đầu đăng ký mở và sử dụng dịch vụ Mobile-Money. Trường hợp không gặp mặt trực tiếp khách hàng, Doanh nghiệp thực hiện thí điểm phải xây dựng và ban hành quy trình, thủ tục đăng ký mở và sử dụng dịch vụ Mobile-Money bằng phương thức điện tử phù hợp với quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phải đảm bảo có và áp dụng các biện pháp, hình thức và công nghệ để nhận biết, định danh khách hàng; chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin khách hàng; xây dựng quy trình xác thực đối với mỗi giao dịch của tài khoản Mobile-Money; xây dựng phương án quản lý đối với trường hợp một cá nhân sử dụng nhiều tài khoản Mobile-Money để thực hiện việc chuyển tiền, thanh toán giữa các cá nhân, Đơn vị chấp nhận thanh toán trên lãnh thổ Việt Nam; có biện pháp hạn chế, loại bỏ tình trạng SIM có thông tin không chính xác, không đầy đủ trên thị trường;  (ii) Doanh nghiệp thực hiện thí điểm xây dựng quy trình, công cụ và hướng dẫn, đào tạo các nhân viên của Doanh nghiệp thực hiện thí điểm, điểm kinh doanh thực hiện thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh, cập nhật thông tin khách hàng và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với việc KYC của các điểm kinh doanh. | Việc mở tài khoản Tiền di động được thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ. | Quy định này là cơ sở để Bộ KHCN hướng dẫn chi tiết về việc mở, định danh, xác thực khách hàng mở tài khoản Tiền di động. |
| **10** |  | Điều 9. Sử dụng tài khoản Tiền di động |  |
|  | Doanh nghiệp thực hiện thí điểm cung ứng dịch vụ Mobile-Money để sử dụng cho các nghiệp vụ sau:  a) Nạp tiền mặt vào tài khoản Mobile-Money tại các điểm kinh doanh (trong đó, các điểm kinh doanh được lựa chọn theo tiêu chí quy định tại điểm a khoản 1 mục V Quyết định này); nạp tiền vào tài khoản Mobile-Money từ tài khoản thanh toán của khách hàng (chủ tài khoản Mobile-Money) tại ngân hàng hoặc từ Ví điện tử của khách hàng (chủ tài khoản Mobile-Money) tại chính Doanh nghiệp thực hiện thí điểm dịch vụ Mobile-Money;  b) Rút tiền mặt từ tài khoản Mobile-Money tại các điểm kinh doanh; rút tiền từ tài khoản Mobile-Money về tài khoản thanh toán của khách hàng (chủ tài khoản Mobile-Money) tại ngân hàng hoặc rút về Ví điện tử của khách hàng (chủ tài khoản Mobile-Money) tại chính Doanh nghiệp thực hiện thí điểm dịch vụ Mobile-Money;  c) Thanh toán việc mua hàng hóa, dịch vụ cho Đơn vị chấp nhận thanh toán bằng tài khoản Mobile-Money;  d) Chuyển tiền giữa các tài khoản Mobile-Money của khách hàng trong cùng hệ thống của Doanh nghiệp thực hiện thí điểm, giữa tài khoản Mobile- Money của khách hàng với tài khoản thanh toán tại ngân hàng, giữa tài khoản Mobile-Money với Ví điện tử do chính Doanh nghiệp thực hiện thí điểm cung ứng. | 1. Việc nạp tiền vào tài khoản Tiền di động được thực hiện thông qua:a) Nạp tiền mặt vào tài khoản Tiền di động tại các điểm kinh doanh;b) Nhận tiền từ tài khoản thanh toán (của chủ tài khoản Tiền di động), thẻ ghi nợ nội địa (của chủ tài khoản Tiền di động) mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ;c) Nhận tiền từ Ví điện tử (của chủ tài khoản Tiền di động) tại chính tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;d) Nhận tiền từ tài khoản Tiền di động.2. Chủ tài khoản Tiền di động được sử dụng tài khoản Tiền di động để:a) Rút tiền mặt từ tài khoản Tiền di động tại các điểm kinh doanh;b) Rút tiền ra khỏi tài khoản Tiền di động về Ví điện tử (của chủ tài khoản Tiền di động) tại chính tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;c) Chuyển tiền đến tài khoản thanh toán (của chủ tài khoản Tiền di động), thẻ ghi nợ nội địa (của chủ tài khoản Tiền di động) mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;d) Chuyển tiền đến tài khoản Tiền di động;đ) Chuyển tiền đến Ví điện tử (của chủ tài khoản Tiền di động) tại chính tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động; e) Thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ; nộp phí, lệ phí cho các dịch vụ công hợp pháp theo quy định của pháp luật.  3. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động thực hiện hoàn trả tiền cho khách hàng trong các trường hợp:  a) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động chấm dứt cung ứng dịch vụ cho khách hàng;  b) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động chấm dứt hoạt động, bị thu hồi Giấy phép, giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;  c) Chi trả thừa kế theo quy định của pháp luật khi chủ tài khoản Tiền di động là cá nhân chết hoặc bị tuyên bố là đã chết;  d) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;  đ) Các trường hợp đóng tài khoản Tiền di động và xử lý số dư còn lại khi đóng tài khoản Tiền di động theo thỏa thuận bằng văn bản giữa chủ tài khoản Tiền di động và tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động. | Kế thừa quy định 316 và mở rộng hơn một số nội dung cho phép dịch vụ Mobile-Money được thực hiện các nghiệp vụ tương tự dịch vụ Ví điện tử hiện nay nhằm đảm bảo tính cạnh tranh của các tổ chức tham gia thị trường thanh toán. |
| **11** |  | Điều 10. Hạn mức giao dịch tài khoản Tiền di động |  |
|  | Hạn mức sử dụng dịch vụ Mobile-Money:  Hạn mức giao dịch không quá 10 triệu đồng/tháng/tài khoản Mobile- Money cho tổng các giao dịch: rút tiền, chuyển tiền và thanh toán. | 1. Tổng hạn mức giao dịch qua các tài khoản Tiền di động của 01 khách hàng tại 01 tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động (bao gồm giao dịch rút tiền, chuyển tiền và thanh toán theo quy định tại Điều 9 Nghị định này tối đa là 100 (một trăm) triệu đồng Việt Nam trong một tháng.  2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với các giao dịch thanh toán: Thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; điện; nước; viễn thông; các loại phí, giá, tiền dịch vụ liên quan đến hoạt động giao thông của phương tiện giao thông đường bộ; học phí; viện phí; đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phí bảo hiểm theo quy định tại [Luật Kinh doanh bảo hiểm](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bao-hiem/Luat-Kinh-doanh-bao-hiem-2022-465916.aspx" \t "_blank); chi trả các khoản nợ đến hạn, quá hạn, lãi và các chi phí phát sinh cho ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  3. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải quy định tổng hạn mức cho các giao dịch thanh toán quy định tại khoản 2 Điều này qua tài khoản Tiền di động của 01 (một) khách hàng không lớn hơn tổng hạn mức giao dịch qua tài khoản Tiền di động đã được tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cấp cho khách hàng đó theo quy định tại khoản 1 Điều này.  4. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm kiểm tra, giám sát và đảm bảo việc sử dụng tài khoản Tiền di động của khách hàng là phù hợp với hạn mức đã được tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cấp cho khách hàng đó. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trong trường hợp khách hàng sử dụng tài khoản Tiền di động không đúng hạn mức đã được tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cấp cho khách hàng theo quy định tại Nghị định này.  5. Quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này không áp dụng đối với trường hợp khách hàng rút tiền từ tài khoản Tiền di động để thực hiện đóng vĩnh viễn tài khoản Tiền di động. | Điều chỉnh hạn mức về dịch vụ Mobile-Money trên cơ sở đề xuất của Bộ KHCN, Bộ CA và các doanh nghiệp thực hiện thí điểm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân. |
| **12** |  | Điều 11. Sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán cho tài khoản Tiền di động |  |
|  | Doanh nghiệp thực hiện thí điểm phải mở tài khoản đảm bảo thanh toán tại Ngân hàng thương mại và số dư trên các tài khoản đảm bảo thanh toán phải được duy trì không thấp hơn so với tổng số dư tất cả các tài khoản Mobile-Money của các khách hàng tại cùng một thời điểm; xây dựng cơ chế xử lý rủi ro về thanh khoản để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng. Tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Mobile-Money phải được tách bạch, riêng biệt với các tài khoản thanh toán khác của Doanh nghiệp thực hiện thí điểm mở tại Ngân hàng thương mại (tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Ví điện tử, hỗ trợ thu hộ, chi hộ, tài khoản thanh toán phí, tài khoản trả lương và các tài khoản phục vụ cho mục đích khác của Doanh nghiệp thực hiện thí điểm). Ngân hàng thương mại có trách nhiệm theo dõi, quản lý để đảm bảo Doanh nghiệp thực hiện thí điểm chi sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán cho các nghiệp vụ của dịch vụ Mobile-Money, không sử dụng cho các mục đích khác và tách bạch, riêng biệt với các tài khoản thanh toán khác của Doanh nghiệp thực hiện thí điểm mở tại Ngân hàng thương mại; | 1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải đảm bảo duy trì tổng số dư trên tất cả các tài khoản đảm bảo thanh toán mở tại các ngân hàng hợp tác không thấp hơn tổng số dư tất cả các tài khoản Tiền di động đã phát hành cho khách hàng tại cùng một thời điểm.  2. Tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động phải được tách bạch, riêng biệt với các tài khoản thanh toán khác của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động (tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Ví điện tử, hỗ trợ thu hộ, chi hộ, tài khoản thanh toán phí, tài khoản trả lương và các tài khoản phục vụ cho mục đích khác của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động). | Kế thừa quy định tại Quyết định 316 và điều chỉnh ngôn ngữ phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật. |
| **13** |  | Điều 12. Quy trình và thủ tục giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại, tranh chấp |  |
|  | - Doanh nghiệp thực hiện thí điểm phải tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng khi triển khai thí điểm dịch vụ Mobile-Money;  - Doanh nghiệp thực hiện thí điểm phải xây dựng quy định, cơ chế về xử lý, giải quyết tra soát, khiếu nại, tranh chấp của khách hàng theo quy định hiện hành. | 1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động quy định cụ thể thời hạn khách hàng sử dụng dịch vụ Tiền di động được quyền đề nghị tra soát, khiếu nại đối với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động nhưng không ít hơn 60 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch yêu cầu tra soát.  2. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại của khách hàng sử dụng dịch vụ, đảm bảo tuân thủ tối thiểu các quy định sau:  a) Áp dụng tối thiểu hai hình thức tiếp nhận thông tin tra soát, khiếu nại qua tổng đài điện thoại (có ghi âm, hoạt động 24/24 giờ trong ngày và 7/7 ngày trong tuần) và qua các địa điểm giao dịch hợp pháp của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động; đảm bảo xác thực những thông tin cơ bản mà khách hàng đã cung cấp cho tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;  b) Ban hành mẫu đề nghị tra soát, khiếu nại (văn bản giấy và điện tử) để khách hàng sử dụng khi đề nghị tra soát, khiếu nại tại các địa điểm giao dịch của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động hoặc trên kênh trực tuyến. Trường hợp tiếp nhận thông tin qua tổng đài điện thoại hoặc kênh trực tuyến, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động yêu cầu khách hàng cung cấp các thông tin cần thiết để xác minh khách hàng, có biện pháp lưu trữ thông tin khách hàng cung cấp làm căn cứ để xử lý tra soát, khiếu nại. Trường hợp ủy quyền cho người khác đề nghị tra soát, khiếu nại, việc ủy quyền thực hiện theo quy định của pháp luật về ủy quyền;  c) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm trả lời hoặc xử lý kịp thời các khiếu nại của khách hàng trong thời hạn theo thỏa thuận nhưng không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận được yêu cầu khiếu nại của khách hàng sử dụng dịch vụ theo quy định tại điểm a Khoản này;  Thực hiện ngay các biện pháp để tạm dừng cung ứng dịch vụ khi khách hàng đề nghị do nghi ngờ có gian lận hoặc tổn thất và chịu trách nhiệm với toàn bộ tổn thất tài chính của khách hàng phát sinh sau thời điểm khách hàng đề nghị tạm dừng cung ứng dịch vụ.  3. Xử lý kết quả tra soát, xử lý khiếu nại:  a) Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả xử lý tra soát, xử lý khiếu nại cho khách hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động thực hiện bồi hoàn tổn thất cho khách hàng theo thỏa thuận và quy định của pháp luật hiện hành đối với những tổn thất phát sinh không do lỗi của khách hàng và/hoặc không thuộc các trường hợp bất khả kháng theo thỏa thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng dịch vụ;  b) Trong trường hợp hết thời hạn giải quyết tra soát, xử lý khiếu nại được quy định tại khoản 3 Điều này mà vẫn chưa xác định được nguyên nhân hay lỗi thuộc bên nào thì trong vòng 15 ngày làm việc tiếp theo, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động thỏa thuận với khách hàng về phương án xử lý, nếu không thỏa thuận được phương án xử lý thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật.  5. Trường hợp phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động thực hiện tố giác, báo tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự và báo cáo bằng văn bản cho Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ngân hàng Nhà nước; đồng thời, thông báo bằng văn bản cho khách hàng về tình trạng xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại. Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo kết quả giải quyết không có yếu tố tội phạm, trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động thỏa thuận với khách hàng về phương án xử lý kết quả tra soát, xử lý khiếu nại.  6. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải có giải pháp để khách hàng có thể tra cứu trực tuyến được thông tin, tiến độ, kết quả xử lý tra soát, xử lý khiếu nại.  7. Phối hợp tra soát giữa các tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động:  Các tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm phối hợp để xử lý kịp thời các yêu cầu tra soát trong thanh toán trong vòng 04 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được yêu cầu tra soát bên nhận yêu cầu tra soát phải trả lời yêu cầu/kết quả tra soát cho bên yêu cầu tra soát hoặc thực hiện hoàn trả lại lệnh thanh toán có thông tin yêu cầu tra soát. | Quy định cụ thể, chi tiết về Quy trình và thủ tục giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại, tranh chấp nhằm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. |
| **14** |  | Điều 13. Các biện pháp đảm bảo an toàn khi cung ứng dịch vụ Tiền di động cho khách hàng |  |
|  | - Các nguyên tắc chung và quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố:  Doanh nghiệp thực hiện thí điểm phải xây dựng các nguyên tắc chung và quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật hiện hành; thiết lập cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Thông tin và Truyền thông) về các tài khoản Mobile-Money có dấu hiệu liên quan đến hoạt động phạm tội, có hành vi vi phạm pháp luật, các giao dịch bất thường, đáng ngờ (thông tin cung cấp bao gồm toàn bộ thông tin lưu trữ về tài khoản Mobile-Money); xây dựng cơ chế tạm khóa/đóng băng các tài khoản Mobile-Money vi phạm ngay khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật.  - Quy định về lựa chọn và quản lý các điểm kinh doanh:  (i) Doanh nghiệp thực hiện thí điểm phải xây dựng các tiêu chí cụ thể đánh giá năng lực (tài chính, cơ sở vật chất, nhân sự) của các điểm kinh doanh (trong đó, các điểm kinh doanh là các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông có địa chỉ xác định do Doanh nghiệp viễn thông thực hiện thí điểm thiết lập hoặc các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông khác là pháp nhân được Doanh nghiệp viễn thông thực hiện thí điểm ký hợp đồng ủy quyền), làm cơ sở cho việc xác định hạn mức giao dịch ngày, hạn mức giao dịch tháng của từng điểm kinh doanh. Doanh nghiệp thực hiện thí điểm phải có hợp đồng ủy quyền với các điểm kinh doanh là pháp nhân khác được Doanh nghiệp thực hiện thí điểm ủy quyền; có cơ chế kiểm soát và chịu trách nhiệm toàn diện đối với mọi hoạt động và rủi ro phát sinh tại các điểm kinh doanh của Doanh nghiệp thực hiện thí điểm;  (ii) Doanh nghiệp thực hiện thí điểm phải trang bị, triển khai áp dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) tại các điểm kinh doanh để nhận biết và xác thực chính xác khách hàng (nhận diện khuôn mặt, mống mắt,...) khi đăng ký và sử dụng dịch vụ Mobile-Money; Doanh nghiệp thực hiện thí điểm phải bảo đảm các điểm kinh doanh không chuyển giá trị thẻ thanh toán dịch vụ thông tin di động sang tài khoản Mobile-Money, không để xảy ra tình trạng mở tài khoản Mobile-Money tràn lan, các biến tướng và lợi dụng dịch vụ Mobile-Money để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật;  (iii) Doanh nghiệp thực hiện thí điểm phải xây dựng cơ chế kiểm soát các giao dịch tiền mặt (nạp, rút tiền mặt vào/ra tài khoản Mobile-Money) phát sinh tại các điểm kinh doanh đảm bảo nhận biết và kiểm soát được chính xác số tiền đã nhận của khách hàng; đối soát với tổng số dư tài khoản Mobile-Money của khách hàng; đảm bảo số tiền các điểm kinh doanh đã nhận của khách hàng phải được nạp tương ứng theo tỷ lệ 1:1 vào tài khoản Mobile- Money của khách hàng. Doanh nghiệp thực hiện thí điểm phải chịu trách nhiệm trong trường hợp xảy ra mất tiền trong tài khoản Mobile-Money của khách hàng (trừ các trường hợp lỗi phát sinh từ phía khách hàng) hoặc số tiền được ghi có vào tài khoản Mobile-Money không tương ứng theo tỷ lệ 1:1 với số tiền khách hàng đã nạp;  (iv) Doanh nghiệp thực hiện thí điểm phải thông báo công khai danh sách các điểm kinh doanh trên trang thông tin điện tử, ứng dụng của Doanh nghiệp thực hiện thí điểm và tại các điểm kinh doanh nơi khách hàng có thể tiếp cận và thực hiện giao dịch;  (v) Doanh nghiệp thực hiện thí điểm phải xây dựng cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, yêu cầu về nâng cao, đào tạo nghiệp vụ cho nhân sự tại các điểm kinh doanh. Yêu cầu các điểm kinh doanh gửi báo cáo định kỳ và báo cáo ngay các giao dịch bất thường, đáng ngờ cho Doanh nghiệp thực hiện thí điểm;  (vi) Doanh nghiệp thực hiện thí điểm phải xây dựng cơ chế đảm bảo an toàn thanh toán của các điểm kinh doanh; xây dựng quy trình xử lý giao dịch giữa Doanh nghiệp thực hiện thí điểm và các điểm kinh doanh đối với từng hoạt động; quy trình đối soát, thanh, quyết toán; quy trình xử lý tra soát, khiếu nại, tranh chấp của khách hàng đối với giao dịch phát sinh tại các điểm kinh doanh.  - Quy định về quản lý các Đơn vị chấp nhận thanh toán:  (i) Doanh nghiệp thực hiện thí điểm có trách nhiệm: (i) lựa chọn, ký kết Hợp đồng với Đơn vị chấp nhận thanh toán đảm bảo Đơn vị chấp nhận thanh toán (các cửa hàng, đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ chấp nhận sử dụng tài khoản Mobile-Money để thanh toán) kinh doanh các ngành nghề, hàng hóa, dịch vụ hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam; (ii) giám sát, kiểm tra đối với các Đơn vị chấp nhận thanh toán trong quá trình thực hiện Hợp đồng; (iii) quy định nội bộ về thủ tục nhận biết, xác minh Đơn vị chấp nhận thanh toán, phân loại theo mức độ rủi ro; (iv) quy định về việc nhận tiền thanh toán từ cung cấp hàng hóa, dịch vụ giữa Doanh nghiệp thực hiện thí điểm với Đơn vị chấp nhận thanh toán;  (ii) Các doanh nghiệp thực hiện thí điểm phải có Hợp đồng theo quy định của pháp luật với Đơn vị chấp nhận thanh toán về việc trở thành điểm chấp nhận thanh toán bằng tài khoản Mobile-Money.  Doanh nghiệp thực hiện thí điểm phải xây dựng quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ; đánh giá rủi ro và biện pháp quản lý, xử lý rủi ro cụ thể.  - Doanh nghiệp thực hiện thí điểm phải xây dựng hệ thống theo dõi, kiểm soát để phản ánh chính xác doanh thu phát sinh từ việc cung ứng dịch vụ Mobile-Money để có cơ sở xác định nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật về thuế và các văn bản hướng dẫn. | 1. Trước khi cung ứng dịch vụ Tiền di động cho khách hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải ban hành các quy trình nội bộ liên quan đến dịch vụ Tiền di động, tối thiểu bao gồm các quy trình sau:  a) Quy trình nghiệp vụ kỹ thuật của dịch vụ;  b) Quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ;  c) Quy trình quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn, bảo mật;  d) Các nguyên tắc chung và quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;  đ) Quy trình và thủ tục giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại, tranh chấp tuân thủ theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.  e) Quy trình quản lý Đơn vị chấp nhận thanh toán.  f) Quy trình lựa chọn, quản lý Điểm kinh doanh.  2. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ nêu tại khoản 1 Điều này, đảm bảo phù hợp với thực tế cung ứng dịch vụ và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành có liên quan. | Kế thừa quy định tại quyết định 316 và bổ sung cụ thể rõ ràng hơn một số quy định khác nhằm đảm bảo an toàn khi cung ứng dịch vụ Tiền di động. |
| **15** |  | Điều 14. Quản lý giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ nước ngoài |  |
|  |  | 1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải có hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoạt động ngoại hối trên thị trường quốc tế) về việc thực hiện thanh toán, quyết toán các giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài.  2. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải có biện pháp giám sát để đảm bảo việc thực hiện giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài thông qua dịch vụ Tiền di động là hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối. | Bổ sung để phù hợp với việc cho phép dịch vụ Tiền di động được thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài. |
| **16** |  | Điều 15. Điều kiện cung ứng dịch vụ Tiền di động |  |
|  | a) Doanh nghiệp thực hiện thí điểm xây dựng Hồ sơ đề nghị triển khai thí điểm dịch vụ Mobile-Money gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đầu mối) xem xét, thẩm định, bao gồm:  - Đề án triển khai thí điểm dịch vụ Mobile-Money (bản chính), trong đó phải có các nội dung sau:  …  - Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (bản sao chứng thực).  - Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần số vô tuyến điện (bản sao chứng thực).  - Hồ sơ về nhân sự: Sơ yếu lý lịch (Sơ yếu lý lịch cá nhân tự lập phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật), bản sao (các bản sao phải là bản sao được chứng thực hoặc bản sao cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu theo quy định của pháp luật) các văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) và các cán bộ chủ chốt thực hiện Đề án triển khai thí điểm dịch vụ Mobile-Money; phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương của người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) theo quy định của pháp luật (trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị triển khai thí điểm dịch vụ Mobile-Money không quá 06 tháng); văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhận chức vụ hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại đơn vị của người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc). | Tổ chức không phải là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động khi đáp ứng đầy đủ và phải đảm bảo duy trì đủ các điều kiện sau đây trong quá trình cung ứng dịch vụ, cụ thể như sau:  1. Có Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán Ví điện tử.  2. Có Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần số vô tuyến điện hoặc là công ty con/đơn vị trực thuộc được Công ty mẹ/công ty có Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần số vô tuyến điện cho phép sử dụng hạ tầng, mạng lưới, dữ liệu viễn thông.  3. Có Đề án cung ứng dịch vụ Tiền di động được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức phê duyệt theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này.  4. Điều kiện về nhân sự: Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức phải có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, viễn thông hoặc 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, công nghệ thông tin, luật, viễn thông, và không thuộc những đối tượng bị cấm theo quy định của pháp luật; phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam (Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền).  Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) và các cán bộ chủ chốt thực hiện Đề án cung ứng dịch vụ Tiền di động (gồm Trưởng phòng (ban) hoặc tương đương và các cán bộ kỹ thuật) có bằng cao đẳng trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, viễn thông hoặc lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm;  5. Có Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật về hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng các yêu cầu sau:  a) Có hệ thống đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật hiện hành. Hạ tầng công nghệ thông tin và các giải pháp phục vụ cung ứng dịch vụ Tiền di động phải đảm bảo hoạt động liên tục, an toàn trong suốt quá trình cung ứng dịch vụ Tiền di động;  b) Phải có công cụ, giải pháp phù hợp xác định được chính xác địa chỉ giao thức Internet (Internet Protocol - IP), thuê bao sử dụng để có thể truy vết được đối tượng khách hàng thực sự sử dụng tài khoản Tiền di động;  c) Phải có hệ thống lưu trữ lịch sử giao dịch Tiền di động phát sinh (như: giao dịch nạp/rút, chuyển tiền và thanh toán hàng hóa, dịch vụ); hệ thống lưu trữ thông tin định danh khách hàng, thông tin định danh thiết bị, địa chỉ IP (trừ giao dịch USSD), địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - Media Access Control - MAC (trừ giao dịch USSD), Mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế (International Mobile Equipment Identity - IMEI), thời gian giao dịch, nội dung giao dịch, tài khoản gửi, tài khoản nhận, số dư, vị trí giao dịch,... từ khi khách hàng mở đến khi đóng tài khoản, trong đó có các thông tin truy vết người sử dụng dịch vụ (đối với các tài khoản Tiền di động đã đóng vẫn phải lưu trữ thông tin tối thiểu 02 (hai) năm); đồng thời phải có bản sao lưu các thông tin lưu trữ nhằm phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra và cung cấp thông tin khi có yêu cầu từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Thông tin địa chỉ IP, thời gian đăng nhập phải lưu giữ tối thiểu 02 (hai) năm. Đối với các tài liệu kế toán, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải lưu trữ theo quy định của Luật Kế toán. | Kế thừa quy định tại Quyết định 316 và điều chỉnh ngôn ngữ phù hợp hơn với quy định tại văn bản quy phạm pháp luật |
| **17** |  | Điều 16. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động |  |
|  | Không quy định | 1. Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Trường hợp văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam (trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự) và dịch ra tiếng Việt.  2. Các bản sao hồ sơ, tài liệu phải là bản sao có chứng thực hoặc bản sao cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu theo quy định của pháp luật, trường hợp hồ sơ gửi trực tuyến thì thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.  3. Sơ yếu lý lịch cá nhân tự lập được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.  4. Hồ sơ được gửi qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính) hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.  5. Tổ chức đề nghị cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp. | Bổ sung quy định để hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức chuẩn bị hồ sơ, nộp Hồ sơ |
| **18** | Không quy định | Điều 17. Cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động | Quy định cụ thể hồ sơ, thành phần, trình tự thủ tục đối với các TTHC phát sinh: Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép dịch vụ Tiền di động, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức có cơ sở thực hiện. |
| Điều 18. Cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động |
| Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động |
| Điều 20. Thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động |
| **19** | 1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:  a) Trên cơ sở đề xuất của các Doanh nghiệp thực hiện thí điểm, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an và các bộ, ngành, cơ quan có liên quan hướng dẫn, thẩm định Hồ sơ đề nghị triển khai thí điểm dịch vụ Mobile-Money của các Doanh nghiệp thực hiện thí điểm, đánh giá việc đáp ứng quy định tại Quyết định này để chấp thuận việc tham gia thí điểm đối với từng trường hợp; thực hiện theo dõi tình hình triển khai, hướng dẫn và giải đáp vướng mắc trong quá trình thực hiện thí điểm về sử dụng tài khoản Mobile-Money trong hoạt động thanh toán.  b) Chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát số dư tài khoản đảm bảo thanh toán cho việc cung ứng dịch vụ Mobile-Money của Doanh nghiệp thực hiện thí điểm tại Ngân hàng thương mại để đảm bảo số dư tài khoản được duy trì không thấp hơn so với tổng số dư tất cả các tài khoản Mobile-Money của các khách hàng tại cùng một thời điểm.  c) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an trong công tác kiểm tra, thanh tra các Doanh nghiệp thực hiện thí điểm, điểm kinh doanh triển khai thí điểm dịch vụ Mobile-Money.  d) Định kỳ 6 tháng tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện và đề xuất, kiến nghị đối với những vấn đề phát sinh (nếu có); Chủ trì thực hiện tổng kết, đánh giá sau 02 năm thí điểm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện thí điểm và kiến nghị, đề xuất chính sách quản lý phù hợp.  2. Bộ Thông tin và Truyền thông:  a) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc hướng dẫn, thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện thí điểm (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông) đã được quy định tại Quyết định này và các quy định khác có liên quan đối với Hồ sơ đề nghị triển khai thí điểm cung ứng dịch vụ Mobile-Money của các Doanh nghiệp thực hiện thí điểm.  b) Thực hiện quản lý, giám sát các hoạt động của Doanh nghiệp thực hiện thí điểm và các điểm kinh doanh trong thời gian triển khai thí điểm để đảm bảo tuân thủ các quy định tại Quyết định này và quy định khác có liên quan; giám sát việc tuân thủ của Doanh nghiệp thực hiện thí điểm đối với các hành vi bị cấm, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm; quản lý việc thu phí dịch vụ Mobile-Money của Doanh nghiệp thực hiện thí điểm; hướng dẫn và giải đáp vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện thí điểm liên quan tới việc sử dụng tài khoản viễn thông, ứng dụng viễn thông và Internet trong dịch vụ Mobile-Money.  c) Chủ trì, chịu trách nhiệm thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra (tối thiểu 01 lần/1 năm) các Doanh nghiệp thực hiện thí điểm, các điểm kinh doanh của Doanh nghiệp thực hiện thí điểm trong quá trình hoạt động, triển khai thí điểm dịch vụ Mobile-Money; phối hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện tổng kết, đánh giá sau 02 năm thực hiện thí điểm dịch vụ Mobile-Money và kiến nghị, đề xuất chính sách quản lý phù hợp.  3. Bộ Công an:  a) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc hướng dẫn, thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện thí điểm (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công an) đã được quy định tại Quyết định này và các quy định khác có liên quan đối với Hồ sơ đề nghị triển khai thí điểm cung ứng dịch vụ Mobile-Money của các Doanh nghiệp thực hiện thí điểm.  b) Thực hiện công tác quản lý nhà nước về an ninh đối với các Doanh nghiệp thực hiện thí điểm; phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm, các hành vi bị cấm; phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc quản lý, kiểm tra, giám sát, thanh tra hoạt động cung ứng dịch vụ Mobile-Money của Doanh nghiệp thực hiện thí điểm, các điểm kinh doanh trong quá trình triển khai thí điểm.  c) Chủ động phát hiện, điều tra và xử lý kịp thời các hành vi lợi dụng dịch vụ Mobile-Money để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật; phối hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện tổng kết, đánh giá sau 02 năm thực hiện thí điểm dịch vụ Mobile-Money và kiến nghị, đề xuất chính sách quản lý phù hợp.  4. Bộ Tài chính:  Bộ Tài chính thực hiện thanh tra, kiểm tra theo pháp luật về thanh tra và các quy định khác của pháp luật đối với Doanh nghiệp thực hiện thí điểm. | Điều 21. Trách nhiệm phối hợp cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động | Kế thừa quy định tại Quyết định 316. Tuy nhiên, quy định rõ ràng, cụ thể hơn trách nhiệm của các bộ, ngành liên quan trong công tác thẩm định, kiểm tra, giám sát, tạo cơ sở cho các bộ, ngành liên quan thực hiện. |
| Điều 22. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước trong công tác thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động |
| Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ trong công tác thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động |
| Điều 24. Trách nhiệm của Bộ Công an trong công tác thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động |
| Điều 25. Trách nhiệm phối hợp trong công tác theo dõi, báo cáo, kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện dịch vụ Tiền di động |
| **20** | -Sau khi được chấp thuận tham gia thí điểm, Doanh nghiệp thực hiện thí điểm phải chấp hành đầy đủ quy định tại Quyết định này và các quy định pháp luật có liên quan; thường xuyên rà soát, phát hiện các dấu hiệu nghi vấn sử dụng dịch vụ Mobile-Money liên quan đến các hoạt động vi phạm pháp luật, kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền (Bộ Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công an) để điều tra, xử lý.  - Doanh nghiệp thực hiện thí điểm phải chịu trách nhiệm đối với mọi hoạt động trong quá trình vận hành, triển khai thí điểm dịch vụ Mobile-Money. Doanh nghiệp thực hiện thí điểm nếu vi phạm quy định tại Quyết định này hoặc để xảy ra bất kỳ hành vi biến tướng, lợi dụng dịch vụ Mobile-Money cho các hoạt động vi phạm pháp luật sẽ bị đình chỉ việc tham gia thí điểm và xử lý các hậu quả, hệ lụy phát sinh bởi hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành. | Điều 26. Quyền của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động | Kế thừa quy định tại Quyết định 316; đồng thời, điều chỉnh sửa đổi bổ sung một số quy định, đảm bảo rõ ràng quyền và trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ. |
| Điều 27. Trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động |
| **21** | Không quy định | Điều 28. Quyền của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài | Bổ sung quy định quyền và trách nhiệm các bên có liên quan nhằm phân định rõ trách nhiệm của các bên trong quá trình tham gia vào cung ứng dịch vụ Tiền di động. |
| Điều 29. Trách nhiệm của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài |
| Điều 30. Quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị chấp nhận thanh toán |
| **22** | Không quy định | Điều 31. Quyền về thông tin, báo cáo 1. Ngân hàng Nhà nước, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an có quyền yêu cầu các tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cung cấp thông tin có liên quan tới việc cung ứng dịch vụ theo định kỳ và đột xuất; việc cung cấp thông tin này thực hiện theo quy định của pháp luật.  2. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có quyền yêu cầu khách hàng sử dụng dịch vụ cung cấp thông tin có liên quan khi sử dụng dịch vụ của mình. | Quy định để làm rõ quyền về thông tin, báo cáo |
| **23** | Thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước hoặc báo cáo định kỳ hàng quý/năm về tình hình, kết quả triển khai thí điểm dịch vụ Mobile-Money gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Công an. Kỳ báo cáo quý được tính từ ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý (Doanh nghiệp thực hiện thí điểm thực hiện báo cáo Quý I, II và III); thời hạn nộp báo cáo chậm nhất là ngày 05 của tháng đầu tiên quý tiếp theo. Kỳ báo cáo năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12; thời hạn gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu năm tiếp theo ngay sau kỳ báo cáo. | Điều 32. Nghĩa vụ về thông tin, báo cáo 1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có nghĩa vụ báo cáo và cung cấp thông tin cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.  2. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động định kỳ hàng quý (báo cáo quý I, II và III), định kỳ năm cho NHNN, Bộ KHCN, Bộ CA theo hướng dẫn của Bộ KHCN. Kỳ báo cáo quý được tính từ ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý (thực hiện Quý I, II, III); thời hạn nộp báo cáo chậm nhất là ngày 10 của tháng đầu tiên quý tiếp theo. Kỳ báo cáo năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12; thời hạn gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 20 của tháng đầu năm tiếp theo ngay sau kỳ báo cáo.  3. Tổ chức cung ứng dịch Tiền di động có trách nhiệm xây dựng công cụ giám sát trực tuyến để các NHNN, Bộ KHCN, Bộ CA giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động theo hướng dẫn của Bộ KHCN.  4. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có nghĩa vụ cung cấp thông tin về giao dịch và số dư trên tài khoản Tiền di động của chủ tài khoản Tiền di động theo thỏa thuận với chủ tài khoản. | Kế thừa quy định tại Quyết định 316 |
| **24** | Không quy định | Điều 33. Bảo mật thông tin1. Quyền từ chối cung cấp thông tinTổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân khác về việc cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, giao dịch và số dư trên tài khoản Tiền di động trừ trường hợp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.2. Nghĩa vụ bảo mật thông tinTổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm giữ bí mật các thông tin liên quan đến tài khoản, giao dịch và số dư trên tài khoản Tiền di động, trừ trường hợp được sự chấp thuận của khách hàng hoặc pháp luật có quy định khác. | Quy định để đảm bảo việc bảo mật thông tin khách hàng |
| **25** | Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký | Điều 34. Hiệu lực thi hànhNghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày… tháng… năm…. |  |
| **26** | Không có quy định | Điều 35. Quy định chuyển tiếp1. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm hoàn thiện thủ tục và gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại Điều 17 Nghị định này đến Ngân hàng Nhà nước để xem xét cấp Giấy phép.2. Sau 24 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các văn bản của Ngân hàng Nhà nước về việc cho phép các doanh nghiệp thực hiện thí điểm dịch vụ Mobile-Money, gia hạn thời gian thực hiện thí điểm cung ứng dịch vụ Mobile-Money hết hiệu lực. | Quy định chuyển tiếp để tránh việc gián đoạn trong cung ứng dịch vụ của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động. |
| **27** |  | Điều 36. Trách nhiệm thi hành1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện Nghị định này.2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này. |  |

1. Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 09/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile-Money) – Quyết định số 316 [↑](#footnote-ref-1)